TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long

2/ Ông Tạ Công Minh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 764/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Vũ L,** sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Bùi Thị T**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh L có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Bùi Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh TG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải. Đến năm 2018 vợ chồng không còn sống chung nhà và ly thân kể từ đó cho đến nay. Nay anh L yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 01/4/2014 và Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/9/2016. Hiện hai cháu đang sống cùng anh L. Khi ly hôn anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Bùi Thị T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ L.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 01/4/2014 và Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/9/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu và nợ chung

không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn chị Bùi Thị T dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1] – Về nội dung yêu cầu:** Anh Nguyễn Vũ L yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Anh L và chị T xác lập hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh L và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vả, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh L và chị T đã không còn sống cùng nhà từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa anh L và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn chị Bùi Thị T dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng chị T cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, đồng thời tại phiên tòa chị T vắng mặt chứng tỏ chị T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 01/4/2014 và Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/9/2016, hiện hai cháu đang sống cùng anh L, được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đồng thời nguyện vọng của cháu Tuyết A và cháu Minh A là muốn được sống cùng anh L. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu Tuyết A và cháu Minh A cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ L.

- Anh Nguyễn Vũ L được ly hôn với chị Bùi Thị T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 01/4/2014 và Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/9/2016 cho anh Nguyễn Vũ L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010723 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh